

Số: 99 /2025/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định, phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công
và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của tỉnh Tây Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật
Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản
công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật
xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối
tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt
Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển
khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính
phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn
ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng
9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông
tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 917/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định, phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ của tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về quy định, phân cấp thẩm quyền quyết định về các nội dung sau:

a) Mua sắm, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; thuê tài sản; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi tính quản lý (bao gồm cả việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi tính quản lý);

d) Việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung thực hiện theo quy định và hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan của đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

3. Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh nhưng có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

5. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công như: đơn vị tương đương cấp sở, các đơn vị, tổ chức trực thuộc các sở, ngành và các đơn vị khác thuộc cấp huyện, doanh nghiệp có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

6. Nghị quyết này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên khi thực hiện: mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), mua sắm tài sản công là vật tiêu hao, thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị và khai thác tài sản công tại đơn vị.

Điều 3. Tài sản công được giao thẩm quyền quyết định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Xe ô tô.

3. Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải khác.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

5. Tài sản công là vật tiêu hao, bao gồm: nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu.

6. Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10b của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định 114/2024/NĐ-CP; tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 41b của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 của Nghị định 114/2024/NĐ-CP.

7. Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của cơ quan, đơn vị.

8. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ được giao thẩm quyền quyết định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được mua sắm phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là hàng hóa, dịch vụ).

Điều 5. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao thẩm quyền quyết định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu là hoạt động tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân thiết kế, xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng để thiết lập, hình thành hệ thống nhằm mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là dự án).

2. Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường.

Chương II

QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 6. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công.

2. Tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công cho đơn vị mình và mua sắm cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có

giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm; mua sắm cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có giá trị dự toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm; Thủ trưởng Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dự toán dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm;

đ) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia ủy quyền cho tỉnh quản lý sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương:

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm.

e) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở do mình phê duyệt.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia ủy quyền cho tỉnh quản lý sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương:

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm;

Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở do mình phê duyệt.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị theo chế độ quy định;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị mình có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng/01 lần mua sắm; mua sắm cho các cơ quan, tổ chức dự toán trực thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã;

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng/01 lần mua sắm đến dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm;

đ) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc đầu tư, mua sắm cho đơn vị mình và mua sắm cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần đầu tư, mua sắm;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc đầu tư, mua sắm có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần đầu tư, mua sắm;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc đầu tư, mua sắm có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần đầu tư, mua sắm đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã;

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư, mua sắm có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần đầu tư, mua sắm.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản.

2. Tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản công cho đơn vị mình và thuê tài sản cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có giá trị dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần thuê;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị dự toán dưới 300 triệu đồng/01 lần thuê;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có giá trị thuê từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần thuê đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã;

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản có giá trị thuê dưới 300 triệu đồng/01 lần thuê.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Tài sản công là nhà ở công vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công.

2. Tài sản công quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công cho đơn vị mình và quyết định khai thác tài sản công cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã;

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công.

2. Tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công.

2. Tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định.

2. Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công cho đơn vị mình và bán tài sản công cho các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 tài sản;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã;

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước

a) Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức cấp huyện, cấp xã.

b) Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan, tổ chức các cấp.

c) Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công cho đơn vị mình và thanh lý tài sản công cho các cơ quan dự toán trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

Thủ trưởng các cơ quan dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức cấp huyện có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

Thủ trưởng các cơ quan dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản

a) Tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập các cấp;

c) Tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Tài sản công là tài sản cố định quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 của Nghị quyết này:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại cho đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh trình cơ quan quản lý cấp trên để lấy ý kiến của cơ quan tài chính. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh trình cơ quan quản lý cấp trên để lấy ý kiến của cơ quan tài chính. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND ngày ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 4 năm 2025. *trud*

Nơi nhận: *xt*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng